

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2025
V/v tranh chấp dân sự về hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mộc Khải, bà Trần Thị Ánh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 639/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp dân sự về hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Tú N, sinh năm 1971. Địa chỉ: số A N, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972, nơi cư trú: số F D, khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Tú N trình bày:

Bà và bà T là bạn bè chơi chung với nhau hơn 10 năm. Bà và bà T chơi hội với nhau khoảng 2017 đến nay, chơi nhiều dây hội và hốt hội do bà T làm chủ hội, bà là hội viên.

Đến năm 2023 âm lịch bà có chơi dây hội 01 triệu đồng (hội tuần); mở ngày 22/10/2023 dương lịch, mở vào ngày chủ nhật hàng tuần), với 40 phần và 17 người tham gia, bà có tham gia 01 phần, tính từ ngày khai hội đến ngày hốt hội 23/6/2024 bà đã đóng được 35 lần số tiền phải hốt hội 35.000.000

đồng. Bà hốt hụi nhưng bà T không giao.

Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do bà N cung cấp gồm: Sổ hụi, B kê chuyển tiền của Ngân hàng S cùng các văn bản chuyển tiền.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh nơi cư trú của bị đơn được đại diện Ban khóm 3, phường C cho biết: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1972, có đăng ký thường trú tại ssoo F, đường D, khóm C, phường C. Tại địa phương bà T làm nghề buôn bán (yến) và chơi hụi. Tuy nhiên gần 01 tháng nay thì bà T đã chuyển nhượng nhà và không thường xuyên ở địa phương.

Người làm chứng ông Hà Phi H (Xệ) khai, ông là chồng của bà N, ông và bà T ở xóm quen biết nhau đã lâu. Sự việc vợ ông có chơi hụi với bà T thì ông có biết nhưng không biết chi tiết mỗi tháng hốt bao nhiêu và châu bao nhiêu, tham gia bao nhiêu phần. Bà T chơi hụi với vợ ông thì lấy tên “vợ X” là tên ông để chơi hụi.

Bà Lai Nguyệt L khai có chơi hụi chung với bà N, bà M do bà T làm chủ. Bà chơi chung hụi 1 triệu đồng và hụi 5 triệu đồng. Đối với hụi 1 triệu bà đã hốt xong nhưng bà T đưa được 10 triệu đồng, số tiền còn lại bà T hứa sẽ đưa sau. Đối với hụi 5 triệu đồng bà có tham gia 01 phần và đã hốt xong.

Bà Trần Kim H1 khai có chơi chung với bà Huỳnh Tú N và bà M hụi 01 triệu và hụi 05 triệu do bà T làm chủ. Đối với hụi 1 triệu bà tham gia 02 phần, hốt 01 phần còn 01 phần, phần còn lại châu được 35 lần. Đối với dây hụi 5 triệu bà tham gia 01 phần, châu được 16 lần.

Ông Nguyễn Hồ Minh H2 khai có chơi chung dây hụi 01 triệu với bà N, bà M do bà T làm chủ, ông tham gia 04 phần, hốt 01 phần còn 03 phần chưa hốt, hụi mở được 35 lần.

Ông Nguyễn Mây N1 khai, có chơi chung dây hụi 01 triệu với bà N, bà M do bà T làm chủ hụi, ông tham gia 01 phần chưa hốt, hụi mở được 35 lần.

Quá trình giải quyết vụ án, bà T vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Bà N xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà T trả vốn mà bà đã giao tính tròn là 26.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định thẩm quyền; thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ đúng theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã

tuân theo đúng quy định. Đương sự chấp hành đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nên đảm bảo được quyền, nghĩa vụ của mình.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, bà N có tham gia chơi dây hội 1.000.000 đồng do bà T làm chủ, quá trình tham gia bà N có góp hội đầy đủ đến kỳ khai hội nhưng bà T không mở hội, giao tiền hội cho hội viên là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường và Điều 471 của Bộ Luật dân sự. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền vốn hội đã góp là có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà T, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ yêu cầu mà bà N đã rút. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu xem xét lãi suất nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Thẩm quyền:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp dân sự về hội với bị đơn; bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Nguyên đơn tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 9.000.000 đồng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận và đình chỉ.

Về nội dung:

[4] Xem xét lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Mây N1, ông Nguyễn Hồ Minh H2, bà Trần Kim H1, bà Lai Nguyệt L; Bảng kê của Ngân hàng S và các văn bản thể hiện bà N chuyển tiền thành công cho bà T. Thấy rằng bà N có tham gia chơi hội do bà T làm chủ nên phát quyền và nghĩa vụ của các bên. Bà T là chủ hội không giao tiền cho hội viên khi đã được hót hội là vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo các Điều 18, 23 và 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường và Điều 471 của Bộ Luật dân sự.

Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền đã góp là có căn cứ chấp nhận. Buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền 26.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi là có lợi cho bị đơn xét chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà N được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho bà N số tiền 875.000 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí số tiền 1.300.000 đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 18, 23, 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2029 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường.

Điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Tú N.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T trả cho bà Huỳnh Tú N số tiền 26.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với bà T số tiền 9.000.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí số tiền 1.300.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Tú N số tiền 875.000 đồng theo biên lai thu số 0004176 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Tú N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng bà Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương